TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18-6-2024
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu.

Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị Tuyết M trình bày:

Nguyên vào ngày 02/02/1997, bà Lâm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, đến nay không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống bà M và ông T chung sống hạnh phúc, sau đó đến cuối năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Trong thời gian chung sống bà M và ông T có con chung một người con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/10/1997.

Nay bà Lâm Thị Tuyết M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Về hôn nhân: Bà Lâm Thị Tuyết M yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.Về con chung: Con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX căn cứ vào khoản 2, Điều 227, 228, khoản 3 Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Tuyết M có cung cấp cho Tòa án Công văn số 03/UBND ngày 28/5/2024, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng xác nhận: " *Từ năm 1999 đến năm 2024 ông (bà) Lâm Thị Tuyết M, nơi thường trú trước đây: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, ông (bà) chưa đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng*". Tại công văn số 46/UBND này 28/5/2024, Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin "…*Bà Lâm Thị Tuyết M, sinh ngày 01/01/1975 chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng*". Bà Lâm Thị Tuyết M trình bày bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, ông T không có ý kiến phản đối gì với lời trình bày của bà M. Do đó xác định bà M và ông T chung sống với nhau từ năm 1997 và không có đăng ký kết hôn là sự thật. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ chung sống giữa bà M và ông T do không đăng ký kết hôn nên không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, mối quan hệ giữa bà M và ông T không được pháp luật công nhận là vợ

chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Bà Lâm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn T thống nhất xác định trong thời chung sống bà M và ông T có một người con chung là Nguyễn Văn L, sinh ngày 23/10/1997, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Tuyết M xác định trong thời gian chung sống ông bà có tạo lập được một số tài sản chung, nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Lâm Thị Tuyết M xác định trong thời gian chung sống ông bà không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bà Lâm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, Điều 227; Điều 228, Điều 235; Điều 271, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lâm Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn T.

2/ Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Tuyết M xác định tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lâm Thị Tuyết M xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn

đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003330 ngày 13/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà Lâm Thị Tuyết M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà